

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;
2. Ông Thào A Trư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên
tòa:** Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Cùng trú tại: Thôn Đ 2, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Anh Lương Trung K, sinh năm 1979, trú tại: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989, trú tại: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trang Thị N, sinh năm 1990, trú tại: Thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 03/01/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ngày 13/6/2018 ông M có cho anh Lương Trung K và chị Nguyễn Thị H (khi đó đang là vợ của anh K, hiện đã ly hôn) vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2018 sẽ thanh toán cả gốc và lãi. Từ ngày 13/6/2018 đến 13/12/2018 anh K đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ ông M đã yêu cầu anh K trả tiền lãi và gốc nhiều lần nhưng anh K không thực hiện. Ông Nguyễn Văn M yêu cầu anh Lương Trung K và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 16/01/2019 đến 31/12/2019 là 24.000.000 đồng và lãi phát sinh tiếp theo.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M trình bày: Ngày 13/6/2018 ông M đang đi thi lái xe tại Phú Thọ thì nhận được điện thoại của bà Nguyễn Thị L là vợ của ông M gọi đến thông báo về việc anh Lương Trung K đề nghị vay 100.000.000 đồng và để lại 01 cuốn sổ bảo hiểm xã hội của anh K làm tin. Bà L và anh K đã thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2018. Khi giao tiền thì chỉ có bà L và anh K, 02 bên có viết giấy vay tiền theo mẫu do bà L chuẩn bị sẵn, anh K điền các thông tin và ký tên bên người vay và để trống phần người cho vay, sau đó ông M về mới ký tên vào phần người cho vay. Ông M không biết về việc chị Nguyễn Thị H có biết việc anh K vay tiền của vợ chồng ông không.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 13/6/2018 anh Lương Trung K đến nhà bà đề nghị vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả vào ngày 30/12/2018 khi đến vay tiền anh K đi 1 mình và trực tiếp nhận tiền từ bà L. Trong giấy vay tiền có đề tên của chị Nguyễn Thị H nhưng không có chữ ký của chị H là do anh K tự ghi tên của chị H vào giấy vay, thực tế chị H không đi cùng anh K đến nhà bà L vay tiền. Bà L đề nghị Tòa án xác định là đồng nguyên đơn với ông M trong việc khởi kiện anh Lương Trung K và chị Nguyễn Thị H trả nợ 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu do ông M nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai tại tòa án.

Ngày 12/5/2020 ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L xác nhận anh Lương Trung K đã trả cho ông M và bà L được tổng số tiền lãi là 12.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L đã nộp cho Tòa án các chứng cứ tài liệu gồm: Bản chính giấy vay tiền đề ngày 13/6/2018; Bản phô tô sổ bảo hiểm mang tên Lương Trung K.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Trung K trình bày tại các bản tự khai và các biên bản lấy lời khai như sau: Ngày 13/6/2018 anh K đi 1 mình đến nhà bà L vay số tiền 100.000.000 đồng, bà L là người trực tiếp giao tiền cho anh K, hai bên có lập giấy vay tiền theo mẫu do bà L chuẩn bị sẵn, anh K điền các thông tin của người vay, thời hạn trả, lãi suất và ký tên, anh K có để lại 01 quyển sổ bảo hiểm xã hội để làm tin. Anh K đã trả lãi hàng tháng đến thời điểm 25/01/2019 và đã trả 69.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 31.000.000

đồng. Số tiền còn lại anh K xin trả dần 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trả xong toàn bộ. Tiền lãi và tiền gốc anh K trả trực tiếp cho bà L. Số tiền vay 100.000.000 được anh K sử dụng để chi tiêu trong gia đình, khi anh K vay tiền thì chị H (là vợ đã ly hôn) không biết việc anh K vay tiền, nếu chị H không chấp nhận đây là khoản nợ chung thì anh K xác nhận đây là khoản nợ riêng và có trách nhiệm trả. Anh Lương Trung K có yêu cầu ông M và bà L trả lại cho anh K 01 sổ bảo hiểm xã hội.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2020 anh Lương Trung K trình bày thêm: Số tiền 100.000.000 đồng anh K vay của ông M bà L được dùng để đưa cho chị H mua xe máy, xin chuyển từ trường mầm non xã N về trường mầm non xã Hạnh Sơn và để chi tiêu trong gia đình.

Để chứng minh cho trình bày của mình anh Lương Trung K nộp cho Tòa án 01 tờ giấy có nội dung anh K đã trả số tiền 69.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 25/01/2019.

Tại bản tự khai ngày 07/02/2020 bị đơn Nguyễn Thị H trình bày: Chị H không tham gia vào việc thỏa thuận vay tiền giữa anh K và bà L, khi anh K vay tiền anh K không đưa tiền cho chị H. Thời điểm còn là vợ chồng vào ngày làm việc thì chị H và con sống tại trường mầm non xã Nậm Mười, huyện Văn Chấn, ngày nghỉ thì chị H về nhà mẹ đẻ tại thôn 5A thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn (nay là xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ) khi đó thì thoảng anh K mới về thăm con và mua sữa cho con chứ không hề có việc đưa tiền cho chị H chi tiêu. Thời điểm anh K vay tiền thì lương của chị H khoảng 6.000.000 đồng đủ chi tiêu cho 2 mẹ con, lương của anh K khoảng 10.000.000 đồng đủ để anh K sinh sống và mua thuốc chữa bệnh. Nay ông M, bà L khởi kiện yêu cầu chị H cùng anh K có trách nhiệm trả nợ 100.000.000 đồng gốc và lãi chị không đồng ý. Chị H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh Lương Trung K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trang Thị N là vợ hiện tại của anh có đưa cho bà L 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay. Anh K đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu trên và yêu cầu ông M và bà L trả lại cho anh K giấy chuyển nhượng này. Nguyên đơn Nguyễn Thị L xác nhận lời trình bày của anh K là đúng.

Tòa án đã tiến hành H giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được về thời hạn cũng như phương thức trả nợ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị L rút 1 phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cùng anh Lương Trung K. Đề nghị HĐXX buộc anh Lương Trung K phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, đề nghị HĐXX xác định lại lãi suất theo đúng quy định của pháp luật và tính số tiền lãi đến thời điểm xét xử để buộc anh Lương Trung K phải trả cho ông M và bà L. Đối với yêu cầu của anh K về việc yêu cầu ông M và bà L phải trả 01 sổ bảo hiểm và 01 giấy chuyển nhượng đất, ông M và bà L không nhất trí, ông M và bà L chỉ đồng ý trả các giấy tờ trên khi anh K trả hết số tiền gốc và lãi vay.

Tại phiên tòa bị đơn Lương Trung K xác định còn nợ ông M, bà L 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ 25/01/2019 đến nay, anh đề nghị được trả dần mỗi tháng từ 3 đến 4 triệu cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc và lãi, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ chung số tiền vay của ông M, bà L, trước mắt anh sẽ trích tiền lương để trả trước.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trang Thị N trình bày sau khi Tòa án gọi chồng chị là anh K lên giải quyết việc vay nợ với ông M, bà L thì anh K có đưa cho chị 01 giấy chuyển nhượng đất ruộng và bảo mang tờ giấy đó xuống nhà bà L để thỏa thuận việc trả nợ, chị N đã đưa tờ giấy đó cho bà L nhưng sau đó 2 bên không thỏa thuận được, đến nay bà L và ông M chưa trả lại tờ giấy trên cho chị. Chị N yêu cầu ông M, bà L trả tờ giấy đó cho anh K vì đó là giấy tờ mua bán đất của anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Bái phát biểu ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị H là phù hợp. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự (BLDS): Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cùng anh Lương Trung K. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L buộc anh Lương Trung K phải trả số tiền 100.000.000 gốc và lãi phát sinh đến ngày xét xử, số tiền lãi trong hạn trả thừa được trừ vào tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L phải trả 01 sổ bảo hiểm xã hội và 01 tờ giấy viết tay về việc chuyển nhượng đất ruộng cho anh K. Anh Lương Trung K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án; lời khai của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Trung K và chị Trang Thị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu bị đơn Lương Trung K và Nguyễn Thị H trả tiền gốc và lãi vay theo hợp đồng, đây là tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án nhân dân huyện Trầm Bái, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L là vợ ông Nguyễn

Văn M trình bày khoản tiền cho vay là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Văn M nên đã yêu cầu và được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn là phù hợp với quy định về định đoạt tài sản chung của vợ chồng. Bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án nhân dân huyện Trầm Thủy xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 13/6/2018 anh Lương Trung K đến nhà bà Nguyễn Thị L tại thôn Đâu 2, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ hỏi vay số tiền 100.000.000 và được bà L đồng ý. Hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 30/12/2018, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Khi vay anh K để lại 01 sổ bảo hiểm xã hội để làm tin và viết giấy vay tiền theo mẫu, anh Lương Trung K điền các thông tin của người vay gồm tên của anh K, tên của chị Nguyễn Thị H (khi đó là vợ anh K) thời hạn vay, lãi suất vào rồi ký tên của anh K vào phần người vay, phần người cho vay thì bà L không ký tên mà để ông M ký để thuận tiện trong việc đòi nợ. Như vậy có sự việc vay số tiền 100.000.000 đồng giữa anh Lương Trung K với bà L. Đến hạn trả nợ nhưng anh K không trả nên ông M và bà L khởi kiện yêu cầu anh Lương Trung K trả khoản nợ gốc và lãi là đúng quy định của pháp luật và được chấp nhận.

2.1 Về loại hợp đồng vay, thời hạn trả nợ, lãi suất vay:

Theo “giấy vay tiền” (sau đây gọi là hợp đồng vay) do bên nguyên đơn cung cấp có ghi thời hạn trả tiền vào ngày 30/12/2018, lãi suất chỉ ghi chung chung là 2% nhưng tại phiên tòa anh Lương Trung K và bà Nguyễn Thị L đều xác nhận đã thỏa thuận miệng là lãi suất 2%/tháng do vậy cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Các bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng tương ứng với 24%/năm. Theo quy định của khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (BLDS) thì các bên có quyền thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất vượt quá giới hạn quy định thì phần vượt quá không có hiệu lực. Trong trường hợp này cần phải xác định lại lãi suất được chấp nhận cho hợp đồng vay này là 20%/năm tương đương xấp xỉ 1,6666%/tháng tương đương xấp xỉ 0,0555%/ngày.

2.2 Về việc trả tiền gốc và tiền lãi:

Ngày 06/02/2020 bị đơn anh Lương Trung K nộp cho Tòa án 01 tờ giấy có nội dung “***Nghĩa Lộ ngày 25/01/2019, tôi có trả cho ông bà M số tiền là 69.000.000 đ (Sáu mươi chín triệu đồng chẵn) Vợ ông M nhận tiền ở tại nhà có cả ông M***” tờ giấy có chữ ký của bà L và chữ ký của anh K. Anh Lương Trung K trình bày tại bản tự khai ngày 06/2/2020 là đã trả tiền lãi hàng tháng đến 25/01/2019 và đã trả 69.000.000 đồng tiền gốc, đến nay chỉ còn nợ lại 31.000.000 đồng tiền gốc. Nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 11/2/2020 có nội dung vào ngày 25/01/2019 anh K đến nhà trả cho bà L 6.000.000 đồng tiền lãi sau đó anh K viết 01 tờ giấy trả nợ có ghi số tiền trả là 6.000.000 đồng rồi đưa cho bà L ký tên, theo bà L thì anh K khi viết giấy đã cố

tính để cách ra sau đó điền thêm số 9 vào giữa số 6 và số 0 và viết thêm chữ sáu mươi chín triệu đồng chẵn vào giấy trả tiền nói trên. Ngày 23/4/2020 anh Lương Trung K viết bản tự khai có sự chứng kiến của chị Trang Thị N (là vợ hiện tại) với nội dung ngày 06/2/2020 anh K nộp cho Tòa án tờ giấy ghi đã trả cho bà L 69.000.000 đồng và xác nhận thực sự ngày 25/01/2019 mới chỉ trả 6.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc, việc tờ giấy có ghi đã trả 69.000.000 đồng là do anh K ghi thêm số 9 vào giữa số 6 và 0 sau đó ghi thêm bằng chữ sáu mươi chín triệu đồng chẵn vào tờ giấy này. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M khẳng định ngày 25/01/2019 ông và bà L không nhận 69.000.000 đồng từ anh K, bà L và anh K xác nhận lại là ngày 25/01/2019 anh K chỉ trả cho bà L 6.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy có sự việc ngày 25/01/2019 anh Lương Trung K đến nhà bà L trả tiền nhưng số tiền trả chỉ là 6.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi anh K thừa nhận sự việc nêu trên thì bà L và ông M có ý kiến không đề nghị giám định tờ giấy trả tiền ngày 25/01/2019 mà anh K đưa ra. Do đó Tòa án không trưng cầu giám định chứng cứ do anh Lương Trung K đưa ra là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Từ đó có cơ sở để xác định đến ngày 25/01/2019 anh Lương Trung K chưa trả tiền gốc cho bà L và ông M.

Về số tiền lãi đã trả tại đơn khởi kiện ông M trình bày anh K đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/2/2020 ông M khai cuối tháng 7/2018 anh K đã trả 2.000.000 đồng, cuối năm 2018 trả 4.000.000 đồng. Anh Lương Trung K trình bày đã trả lãi hàng tháng đến hết 25/01/2019 nhưng không có gì chứng minh ngoài tờ giấy trả nợ ngày 25/01/2019 (tờ giấy mà anh K đã thừa nhận chỉ trả 6.000.000 đồng). Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M trình bày tại biên bản ngày 12/5/2020 anh K đã trả lãi tổng cộng là 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh K, ông M, bà L xác nhận lại anh K đã 4 lần trả tiền lãi với tổng số tiền là 12.000.000 đồng cụ thể lần thứ nhất trả cho ông M 2.000.000 đồng, lần thứ 2 trả cho con trai ông M 2.000.000 đồng, lần thứ 3 trả cho bà L 2.000.000 đồng và lần thứ 4 là vào ngày 25/01/2019 trả 6.000.000 đồng, thời gian trả tiền lãi của 3 lần đầu thì cả anh K, ông M, bà L đều không nhớ và không xác định được. Như vậy có cơ sở để xác định tổng số tiền lãi anh K đã trả cho ông M bà L là 12.000.000 đồng.

2.3 Về trách nhiệm trả nợ, số tiền gốc và số tiền lãi phải trả.

- Trách nhiệm trả nợ: Theo đơn khởi kiện và ý kiến của các đồng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L yêu cầu anh K và chị H cùng có trách nhiệm trả khoản tiền vay và lãi, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L rút yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh Lương Trung K. Anh Lương Trung K khai thời điểm anh K vay tiền vào tháng 6/2018 giữa anh và chị Nguyễn Thị H đang là vợ chồng, số tiền 100.000.000 đồng vay anh K đưa cho chị H để sử dụng trong gia đình, đưa cho chị H để mua xe máy và xin chuyển công tác cho chị H từ trường mầm non xã Nậm Mười về trường mầm non xã Hạnh Sơn do vậy chị H phải có trách nhiệm cùng anh K trả tiền cho ông M, bà L. Chị Nguyễn Thị H khai không biết anh K vay tiền của ông M và bà L khi nào, chị chỉ biết sự việc sau khi ông M và bà L chuẩn bị khởi kiện thì bà L mới

thông báo cho biết việc vay mượn tiền của anh K, việc anh K vay tiền làm gì chị H không biết, anh K không đưa tiền cho chị H như anh K đã trình bày tại Tòa án, do vậy chị không có trách nhiệm trả nợ số tiền anh K vay của ông M, bà L. Về vấn đề này HĐXX nhận định như sau: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L rút 1 phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm cùng anh Lương Trung K trả nợ số tiền gốc và lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS thì khi đương rút một phần yêu cầu khởi kiện thì HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút. Anh K trình bày vay tiền đưa cho chị H chi tiêu, mua xe máy, xin chuyển công tác, chị Nguyễn Thị H không thừa nhận những ý kiến nêu trên. Theo quy định tại Điều 91 BLTTDS thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự, nếu các đương sự không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ việc. Ông M và bà L đều khẳng định khi giao tiền và trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng vay thì cả 2 đều chưa gặp chị H, không biết về việc chị H có biết anh K vay tiền không. Anh K có yêu cầu chị H có trách nhiệm trả nợ chung tuy nhiên anh K không có chứng cứ gì chứng minh cho trình bày của mình về việc đã sử dụng khoản vay vào mục đích thiết yếu chung của gia đình. Theo cung cấp của Trường mầm non xã Nậm Mười và Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở xã Xà Hồ thì vào năm 2018 lương thực lĩnh trung bình hàng tháng của chị H là 6,7 triệu, lương thực lĩnh trung bình hàng tháng của anh K là 9,4 triệu, với mức thu nhập như vậy đủ khả năng chi tiêu cho 1 gia đình có 3 nhân khẩu. Chị H làm việc tại trường mầm non xã Nậm Mười cách nơi anh K sinh sống khoảng 70 km, đường xá đi lại khó khăn nên trình bày của chị H về việc chị sinh sống tại trường và chỉ thứ 7, chủ nhật mới về nhà mẹ đẻ nghỉ ngơi là phù hợp với thực tế, phù hợp với xác minh của Tòa án tại thôn Sáng Pao xã Xà Hồ là chị H không sinh sống tại gia đình anh K từ năm 2017 đến nay và cũng phù hợp với xác minh của Tòa án tại thôn 5A, xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ. Như vậy với hoàn cảnh sinh sống, mức thu nhập thực tế của anh K và chị H thì việc vay tiền để chi tiêu trong gia đình như lời trình bày của anh K là không phù hợp. Anh Lương Trung K trình bày đưa tiền cho chị H xin chuyển công tác nhưng không biết chị H dùng bao nhiêu tiền để xin chuyển, đưa tiền cho ai để xin, theo các quy định chung của nhà nước thì việc luân chuyển, biệt phái, điều động viên chức không quy định có khoản thu nào để thực hiện việc này nên ý kiến của anh K đưa tiền cho chị H xin chuyển công tác là không có cơ sở và không được chấp nhận. Ngoài ra anh K còn trình bày đưa tiền cho chị H để mua xe máy, tuy nhiên anh K trình bày không biết chị H mua xe ở đâu? mua của cửa hàng nào? mua xe hết bao nhiêu tiền? sau khi chị H mua xe cũng không hỏi trị giá xe bao nhiêu tiền, là vợ chồng mà không biết những việc này là vô lý không phù hợp, do vậy ý kiến này của anh K không có cơ sở để được chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên cần xác định việc vay tiền của anh Lương Trung K thì chị Nguyễn Thị H không hề biết, không tham gia vào giao dịch, anh K không sử dụng khoản tiền vay vào mục đích thiết yếu của gia đình, không sử dụng tiền vay vào việc hình thành khối tài sản chung của vợ chồng do vậy cần xác định đây là khoản vay riêng của anh K, anh K phải có

trách nhiệm trả nợ riêng mà không buộc chị H phải có trách nhiệm cùng trả nợ như yêu cầu của anh Lương Trung K.

- Số tiền gốc và lãi phải trả: Như đã nhận định tại mục 2.1 và 2.2 tính đến ngày 25/01/2019 anh K chưa trả tiền gốc và đã trả 12.000.000 đồng tiền lãi, từ 25/01/2019 đến thời điểm xét xử anh K chưa trả thêm khoản tiền gốc và lãi cho ông M và bà L. Do các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận này trái quy định nên lãi suất phải được xác định lại và tiền lãi cũng cần được xác định lại. Cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn được xác định lại là 20%/năm tương đương xấp xỉ 1,6666%/tháng tương đương xấp xỉ 0,0555%/ngày. Tính từ ngày 13/6/2018 đến 30/12/2018 thời gian vay là 201 ngày tương ứng với 6 tháng 21 ngày. Lãi trong hạn phải trả = $(100.000.000 \text{ đồng} \times 1,6666\% \times 6 \text{ tháng}) + (100.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} \times 0,0555\%) = 9.999.600 \text{ đồng} + 1.165.500 \text{ đồng} = 11.165.100 \text{ đồng}$. Do trong hợp đồng vay không ghi rõ việc trả lãi theo tháng hay trả lãi 01 lần khi đến hạn, tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày có thỏa thuận bằng miệng với anh K là trả lãi cứ 3 tháng trả 1 lần, bị đơn Lương Trung K trình bày khi vay tiền thì anh K không thỏa thuận việc trả lãi cụ thể thực hiện theo tháng hay theo đợt sau này cứ có tiền thì anh K mang đến trả chứ không theo thời gian cụ thể nào cả, các bên đương sự chỉ thống nhất việc anh K đã trả 12.000.000 đồng tiền lãi, số tiền trên được trả thành 4 lần, 3 lần đầu mỗi lần trả 2.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian cụ thể, chỉ nhớ lần cuối trả 6.000.000 đồng vào 25/01/2019. Do các bên khai không thống nhất về việc đã thỏa thuận trả lãi theo phương thức nào, trả hàng tháng, theo đợt hay trả 1 lần khi đến hạn vì vậy không thể xác định số tiền lãi đã trả theo lãi suất thỏa thuận vượt quá số tiền lãi phải trả theo lãi suất được chấp nhận để từ đó trừ khoản tiền lãi đã trả vượt quá quy định vào tiền gốc theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy chỉ có thể xác định tổng số tiền trả lãi anh K đã trả tính đến 25/01/2019 là 12.000.000 đồng trong số này có 11.165.100 đồng lãi trong hạn phải trả được Tòa án chấp nhận, số tiền 834.900 đồng $(12.000.000 - 11.165.100)$ còn lại cần chuyển sang trả cho khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 31/12/2018 đến ngày xét xử 14/7/2020.

Do đến hạn trả nợ 30/12/2018 anh K chưa trả số tiền gốc 100.000.000 đồng nên theo quy định của điểm b khoản 5 Điều 466 BLDS thì anh K còn phải trả khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính theo lãi suất bằng 150% của lãi suất được chấp nhận 20%/năm tức là 30%/năm, tương đương 2,5%/ tháng và tương đương xấp xỉ 0.0833%/ngày. Từ 31/12/2018 đến 14/7/2020 (ngày vụ án xét xử) thời gian là 562 ngày tương ứng 1 năm 6 tháng 17 ngày. Lãi trên nợ gốc quá hạn phải trả = $(100.000.000 \text{ đồng} \times 30\% \times 1 \text{ năm}) + (100.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\% \times 6 \text{ tháng}) + (100.000.000 \times 0,0833\% \times 17 \text{ ngày}) = 30.000.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng} + 1.416.100 \text{ đồng} = 46.416.100 \text{ đồng}$. Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn còn phải trả là $46.416.100 \text{ đồng} - 834.900 \text{ đồng} = 45.581.200 \text{ đồng}$.

2.4 Về yêu cầu của anh Lương Trung K và chị Trang Thị N buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho anh K 01 sổ bảo hiểm xã hội và 01 tờ giấy viết tay có nội dung về việc ông Giàng A Say chuyển nhượng cho anh Lương Trung K 03 thửa ruộng. Ngày 13/6/2018 khi vay tiền anh K có để lại cho bà L 01 sổ bảo hiểm xã hội để làm tin, cuốn sổ này liên quan đến quá trình công tác của anh K, đây không phải là tài sản để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ do vậy yêu cầu của anh K là chính đáng cần được chấp nhận. Đối với 01 tờ giấy viết tay có nội dung về việc ông Giàng A Say chuyển nhượng cho anh Lương Trung K 03 thửa ruộng. Yêu cầu của anh K đưa ra sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, tuy nhiên tại phiên họp bị đơn Nguyễn Thị L xác nhận có sự việc trên và sau đó ông M đã giao nộp bản pho to tờ giấy chuyển nhượng ruộng này cho Tòa án. Như vậy các đương sự đều xác nhận trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ kiện, chị N có đến nhà bà L đưa cho bà L tờ giấy trên với mục đích để thỏa thuận việc giải quyết vụ án, bà L đã nhận giấy nhưng hai bên không đạt được thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Tờ giấy chuyển nhượng trên không liên quan đến việc vay tiền giữa anh K với bà L, ông M do vậy việc buộc ông M, bà L trả lại tờ giấy trên là phù hợp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh Lương Trung K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 của BLDS; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 5,6,13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả nợ cùng anh Lương Trung K. Bác yêu cầu của anh Lương Trung K về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm cùng anh trả nợ số tiền gốc và lãi cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L. Buộc anh Lương Trung K phải trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn còn phải trả trong thời gian từ 31/12/2018 đến 14/7/2020 là 45.581.200

đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng). Tổng số tiền phải trả là 145.581.200 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Trung K buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị L phải trả cho anh Lương Trung K 01 cuốn sổ Bảo hiểm xã hội và 01 tờ giấy viết tay có nội dung về việc ông Giàng A Say chuyển nhượng cho anh Lương Trung K 03 thửa ruộng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của mức lãi suất trong hạn được chấp nhận là 20%/năm.

2. Về án phí:

- Anh Lương Trung K phải chịu 7.279.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền tạm ứng án phí 3.100.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trầm Thủy theo biên lai số: AA/2017/0000281 ngày 03/01/2020.

3. Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị L, anh Lương Trung K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Trang Thị N được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Trầm Thủy (02);
- CCTHADS.H Trầm Thủy;
- Các đương sự ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Nguyễn Thắng